TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 02-8-2019.

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai.

Ông Nguyễn Phát Triển.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 402/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2, Phường L, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Ngọc Như B; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 4 năm 2019).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1967

2.2. Bà Thái Thị P1, sinh 1967

2.3. Anh Trần Văn Đ, sinh 1990

2.4. Chị Lê Thị Kiều H, sinh năm 1991; cùng trú tại: Số nhà 35A/5, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn ông Trần Văn P. Bà Thái Thị P1, Trần Văn Đ, Lê Thị Kiều H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng N- người đại diện theo ủy quyền ông Thái Ngọc Như B trình bày:*

Ngân hàng N- Chi nhánh huyện Lai Vung – Phòng giao dịch khu vực I (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho hộ ông Trần Văn P gồm ông Trần Văn P, bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H vay theo Hợp đồng tín dụng số 6510-LAV201709426 ngày 08/11/2017 số tiền vay là 1.800.000.000đồng. Nhận tiền vay ngày 09/11/2017, hạn trả cuối cùng ngày 08/11/2022. Hạn trả theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (phân kỳ trả nợ gốc, lãi) vào ngày 08/11/2018 trả nợ gốc 100.000.000đồng và tiền lãi.

Tài sản thế chấp để bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6510- LCL- 201702376 ngày 08/11/2017. Tài sản thế chấp gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BM 995996, thửa số 485, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.170m^2, cấp ngày 25/01/2013 do hộ ông Trần Văn P đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BM 995997, thửa số 466, tờ bản đồ số 8, diện tích 10.156m^2, cấp ngày 25/01/2013 do hộ ông Trần Văn P đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CM 995998, thửa số 18, tờ bản đồ số 40, diện tích 378,8m^2, cấp ngày 25/01/2013 do hộ ông Trần Văn P đứng tên.

Hiện tại khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương đôn đốc, nhắc nhở hộ ông Trần Văn P nhưng hộ ông P không thực hiện thanh toán nợ. Tính đến ngày 04/3/2019 dư nợ gốc là 1.800.000.000đồng, lãi là 126.744.444đồng, tổng cộng 1.926. 744.444đồng.

Tại phiên tòa Ngân hàng xác định: Tính đến ngày 04/3/2019 dư nợ gốc là 1.800.000.000đồng, lãi là 125.008.219đồng, tổng cộng 1.925. 008.219đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu ông Trần Văn P, bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 1.800.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/3/2019 là 125.008.219đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.925. 008.219đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6510-LAV-201709426 ngày 08/11/2017 từ ngày 05/3/2019 cho đến khi trả hết nợ. Đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6510-LCL-201702376 ngày 08/11/2017 để thu hồi nợ nếu ông Trần Văn P, bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H không trả nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn ông Trần Văn P có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Ông Trần Văn P thừa nhận có hợp đồng vay tiền của Ngân hàng N- Chi nhánh huyện Lai Vung- Phòng giao dịch khu vực I vào thời gian và số tiền như đại diện Ngân hàng trình bày. Bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H đã ủy quyền cho ông Trần Văn P thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6510-LCL-201702376 ngày 08/11/2017 như đại diện Ngân hàng trình bày.

Nay ông Trần Văn P đồng ý cùng bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 1.800.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/3/2019 là 125.008.219đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.925.008.219đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6510-LAV-201709426 ngày 08/11/2017 từ ngày 05/3/2019 cho đến khi trả hết nợ. Đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6510-LCL-201702376 ngày 08/11/2017 để trả nợ nếu ông Trần Văn P, bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H không trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/6/2019 ông Trần Văn P, bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng: Buộc ông Trần Văn P, bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H liên đới trả tiền vốn vay và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

* Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Ngân hàng N (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) yêu cầu ông Trần Văn P, bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 1.800.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/3/2019 là 125.008.219 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.925.008.219 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6510-LAV- 201709426 ngày 08/11/2017 từ ngày 05/3/2019 cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6510-LCL-201702376 ngày 08/11/2017 để thu hồi nợ trong trường hợp ông Trần Văn P, bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ và chị Lê Thị Kiều H không trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ của Ngân hàng cung cấp là: Hợp đồng tín dụng số 6510-LAV- 201709426 ngày 08/11/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6510-LCL-201702376 ngày 08/11/2017 thì về trình tự thủ tục và nội dung xác lập các hợp đồng trên giữa bên cho vay là Ngân hàng, bên vay là ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H cùng Ủy quyền cho ông Trần

Văn P thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay là phù hợp với quy định của pháp luật, được công nhận, có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông Trần Văn P đã thừa nhận có xác lập hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên với Ngân hàng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định:“ *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Theo đó, xác định ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H có thế chấp tài sản để vay tiền của Ngân hàng và số nợ vốn và lãi phát sinh tính đến ngày 04/3/2019, tổng cộng là 1.925.008.219 đồng như Ngân hàng trình bày là sự thật.

Khoản 14 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng quy định:

“*Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác* ”.

Khoản 16 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng quy định:

“Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi”.

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Trên cơ sở đánh giá chứng cứ và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông P đã vi phạm hợp đồng, chưa trả vốn và lãi cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H liên

đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 1.800.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/3/2019 là 125.008.219 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.925.008.219 đồng (*Một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu không trăm lẽ tám ngàn hai trăm mười chín đồng*); yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6510-LAV- 201709426 ngày 08/11/2017 từ ngày 05/3/2019 cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

"2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước".

Căn cứ quy định của pháp luật Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6510-LCL-201702376 ngày 08/11/2017 để thu hồi nợ vay nếu ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ. Trên cơ sở đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quy định về nghĩa vụ chịu án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận. Đây là vụ án dân sự có giá ngạch. Theo đó, ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H liên đới phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Lai Vung tổng số tiền là 1.925.008.219đồng (*Một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu không trăm lẽ tám ngàn hai trăm mười chín đồng*), mức án phí ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H phải chịu theo quy định là:" *Từ trên 800.000.000đồng đến 2.000.000.000đồng thì mức án phí là 36.000.000đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000đồng"*. Vì vậy, ông Trần

Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H liên đới nộp 69.750.300đồng *(Sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn ba trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Lai Vung.

Buộc ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H liên đới phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Lai Vung số tiền vốn vay là 1.800.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 04/3/2019 là 125.008.219 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.925.008.219 đồng (*Một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu không trăm lẽ tám ngàn hai trăm mười chín đồng*); số tiền vốn vay sẽ được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số 6510-LAV- 201709426 ngày 08/11/2017 từ ngày 05/3/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Lai Vung mà ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng thì Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Lai Vung có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp.

Trong trường hợp ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án thì Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Lai Vung phải trả lại cho bên thế chấp là ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6510-LCL-201702376 ngày 08/11/2017 *(Hiện Ngân hàng đang giữ).*

*Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn P và bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H liên đới nộp 69.750.300đồng *(Sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn ba trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.902.000đồng (*Ba mươi bốn triệu chín trăm lẽ hai ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008563 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay 02/8/2019. Bà Thái Thị P1, anh Trần Văn Đ, chị Lê Thị Kiều H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng